

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:13/2008/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 24 tháng 7 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc Bãi bỏ, sửa đổi và ban hành mới**  
**một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/UBTVQH ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Trên cơ sở Xem xét Đề án của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1670/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh về việc Bãi bỏ, sửa đổi và ban hành mới một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quy định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án Bãi bỏ, sửa đổi và ban hành mới một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

**1.** Bãi bỏ các quy định về thu học phí và khoản đóng góp xây dựng trường đối với hệ Giáo dục- Đào tạo ngoài công lập tại Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 12/4/2007 của HĐND tỉnh. Các cơ sở Giáo dục- Đào tạo ngoài công lập được tự quyết định mức thu trên cơ sở đảm bảo trang trải chi phí cần thiết cho quá trình hoạt động và có tích lũy để đầu tư phát triển; thực hiện công khai minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật.

**2.** Sửa đổi các loại phí

**2.1.** Phí chợ

- Phí vệ sinh bến bãi, bãi chợ đối với phương tiện có xếp dỡ hàng hóa tại bến, bãi chợ:

+ Đối với xe ô tô tải: 7.000 đồng/lượt/xe;

- Phí vệ sinh chợ, bãi chợ đối với các hộ (Người) kinh doanh tại chợ:

+ Hộ kinh doanh các mặt hàng công nghiệp, lương thực, thực phẩm đóng gói: 6.000 đồng/hộ/lô/tháng;

+ Hộ kinh doanh các mặt hàng dịch vụ khác: 8.000 đồng/hộ/lô/tháng;

+ Hộ kinh doanh ngoài bãi chợ không cố định: 1.000 đồng/hộ/lượt.

- Các nội dung khác của phí chợ giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 10b/2003/NQ-HĐND ngày 30/7/2003.

## 2.2. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Phí khai thác và sử dụng tài liệu bản đồ hiện trạng sử dụng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ chuyên đề về lĩnh vực môi trường và khoáng sản cấp tỉnh.	Đồng/lượt	120.000
2	Phí khai thác và sử dụng tài liệu bản đồ hiện trạng sử dụng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ chuyên đề về lĩnh vực môi trường và khoáng sản cấp huyện.	Đồng/lượt	90.000
3	Phí khai thác và sử dụng tài liệu bản đồ hiện trạng sử dụng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ chuyên đề về lĩnh vực môi trường và khoáng sản cấp xã.	Đồng/lượt	60.000
4	Bản đồ địa chính	Đồng/tờ	
	- Bản đồ địa chính dạng giấy		
	+ Tỷ lệ 1/500		12.000
	+ Tỷ lệ 1/1000		18.000
	+ Tỷ lệ 1/2000		36.000
	+ Tỷ lệ 1/5000		60.000
	- Bản đồ địa chính dạng số		
	+ Tỷ lệ 1/500		30.000
	+ Tỷ lệ 1/1000		60.000
	+ Tỷ lệ 1/2000		90.000
	+ Tỷ lệ 1/5000		120.000
5	Sao lục, chứng thực hồ sơ đất đai	Đồng/hồ sơ	
	- Hộ gia đình, cá nhân		12.000
	- Các tổ chức		24.000
6	Sao lục bản đồ dạng giấy	Đồng/tờ	
	- Khổ giấy A4		5.000
	- Khổ giấy A3		5.000
	- Khổ giấy A2		10.000
	- Khổ giấy A1		12.000
	- Khổ giấy A0		18.000
7	Cung cấp tọa độ địa chính	Đồng/điểm	
	- Điểm địa chính cơ sở		60.000
	- Điểm địa chính I		36.000
	- Điểm địa chính II		24.000

- Mức thu trên không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu;
- Miễn thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai khi cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước;
- Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

### 2.3. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung: Mức thu phí 1.500.000 đồng/1 báo cáo.

Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

### 2.4. Phí đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất

- Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

## 3. Ban hành các loại phí, lệ phí mới

### 3.1. Phí thẩm định kết quả đấu thầu

- Phí thẩm định kết quả đấu thầu là khoản thu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định kết quả đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Chủ đầu tư hoặc chủ dự án (Bên mời thầu) có trách nhiệm nộp phí thẩm định kết quả đấu thầu cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định kết quả đấu thầu;

- Phí thẩm định kết quả đấu thầu không áp dụng đối với trường hợp là những gói thầu do thủ trưởng đơn vị trực tiếp thực hiện việc đấu tư, mua sắm phê duyệt kết quả đấu thầu trên cơ sở báo cáo thẩm định của bộ phận giúp việc có liên quan trong đơn vị;

- Mức thu: Bằng 0,05%/giá trị một gói thầu và số tiền phí thu tối thiểu là 500.000 đồng/1 gói thầu đến tối đa bằng 1.500.000 đồng/1 gói thầu;

- Phí thẩm định kết quả đấu thầu được tính trong chi phí khác của dự án đầu tư hoặc tính vào giá trị hàng hóa mua sắm;

- Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

### 3.2. Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

- Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp là khoản thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng có nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Mức thu: Bằng 1.800.000 đồng/lần thẩm định. Trường hợp cấp đổi lại giấy phép thì áp dụng mức thu bằng 900.000 đồng 1 lần thẩm định;

- Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

### 3.3. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

- Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm được thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bao gồm: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện, thị xã; phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi được phòng Tài nguyên và Môi trường ủy quyền thực hiện.

- Mức thu phí:

+ Cung cấp thông tin cơ bản (Danh mục giao dịch bảo đảm, tài sản cho thuê tài chính; sao đơn yêu cầu đăng ký): 6.000 đồng/trường hợp;

+ Cung cấp thông tin chi tiết (Văn bản tổng hợp thông tin về các giao dịch bảo đảm): 18.000 đồng/trường hợp.

- Quy định tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3.4. Học phí các lớp tin học, ngoại ngữ tại Trung tâm Công nghệ- Thông tin ngoại ngữ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### a) Học phí các lớp tin học

- Chứng chỉ A: 300.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Chứng chỉ B: 330.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Chứng chỉ C: 360.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Kỹ thuật viên: 720.000 đồng/học viên/06 tháng;

- Hệ quản trị CSDL và XML: 360.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Cơ sở lập trình: 360.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Thiết kế và lập trình Web, lập trình Visual basic và công nghệ Net: 600.000 đồng/học viên/5 tháng.

#### b) Học phí các lớp ngoại ngữ:

- Chứng chỉ A: 400.000 đồng/học viên/10 tháng;

- Chứng chỉ B: 450.000 đồng/học viên/10 tháng;

- Chứng chỉ C: 500.000 đồng/học viên/10 tháng;

- Tiếng Anh giao tiếp: 600.000 đồng/học viên/10 tháng;

- Tiếng Anh luyện thi TOEFL: 360.000 đồng/học viên/03 tháng;

- Tiếng Anh cho thiếu nhi: 160.000 đồng/học viên/02 tháng.

### 3.5. Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm

- Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm được thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm bao gồm: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường.

trường của huyện, thị xã; phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp xã phường, thị trấn nơi được phòng Tài nguyên và Môi trường ủy quyền thực hiện;

- Mức thu lệ phí:

+ Đăng ký giao dịch bảo đảm: 36.000 đồng/trường hợp;

+ Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/trường hợp;

+ Đăng ký gia hạn giao dịch bảo đảm: 24.000 đồng/trường hợp;

+ Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký: 24.000 đồng trường hợp;

+ Yêu cầu sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm: 6.000 đồng/trường hợp;

- Không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trong những trường hợp:

+ Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;

+ Yêu cầu sửa chữa sai sót trong giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;

+ Yêu cầu xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính;

+ Đăng ký và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với tài sản kê biên để thi hành án khi cơ quan thi hành án thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản.

- Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 70% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3.6. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam là khoản thu mà người sử dụng lao động phải nộp khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

- Mức thu đối với từng hoạt động cấp giấy phép như sau:

+ Cấp mới giấy phép lao động: 240.000 đồng/1 giấy phép;

+ Cấp lại giấy phép lao động: 180.000 đồng/1 giấy phép;

+ Gia hạn giấy phép lao động: 120.000 đồng/1 giấy phép;

- Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 70% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3.7. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh

a) Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh là khoản thu đối với các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin, khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh;

- Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với từng loại đối tượng thực hiện như sau:

+ Hộ kinh doanh cá thể: 18.000 đồng/1 lần cấp;

+ Hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do huyện, thị xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh: 60.000 đồng/1 lần cấp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước: 120.000 đồng/1 lần cấp;

+ Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp: 12000 đồng/1 lần (Chứng nhận hoặc thay đổi);

+ Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 2.000 đồng/1 bản;

- Miễn thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp cổ phần hóa khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

b) Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh:

- Mức thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: 10.000 đồng/1 lần cung cấp). Miễn thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước;

c) Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 70% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3.8. Lệ phí chứng minh nhân dân

- Mức thu (Không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân) như sau:

+ Cấp lại, đổi chứng minh nhân dân: 3.000 đồng/1 lần cấp.

- Miễn thu lệ phí chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (Hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc;

+ Miễn thu khi cấp mới chứng minh nhân dân, bao gồm cả trường hợp cấp chứng minh nhân dân do hết hạn sử dụng;

+ Trường hợp cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân do bị mất, hư hỏng không sử dụng được, thay đổi các nội dung ghi trong chứng minh nhân dân, thay đổi nơi thường trú ngoài phạm vi cấp tỉnh... vẫn thực hiện thu lệ phí theo chế độ quy định.

Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 70% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

### 3.9. Lệ phí đăng ký cư trú (Lệ phí hộ khẩu)

- Lệ phí đăng ký cư trú là khoản thu đối với người thực hiện đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú;

- Mức thu quy định như sau:

Số TT	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực miền núi và hải đảo	Khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần đăng ký	2.000	3.000
2	Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần đăng ký	3.000	5.000
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	Đồng/lần đăng ký	2.000	3.000
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (Không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	Đồng/lần cấp	1.000	2.000

- Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú khi cấp mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với:

- + Cấp sổ hộ khẩu gia đình;
- + Cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể;
- + Cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn;

- Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp bố, mẹ, vợ (Hoặc chồng của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương

binh; công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an trở về khi đăng ký hộ khẩu trở lại; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo qui định của Ủy ban Dân tộc;

- Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 70% trên tổng số lệ phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

3.10. Phí tham quan Bảo tàng: 5.000 đồng/lượt/người

- Chế độ miễn, giảm phí thực hiện theo Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Miễn thu phí đối với trẻ em dưới 10 tuổi và học sinh phổ thông;

- Quy định tỷ lệ để lại: Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số phí thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. Các khoản phí và lệ phí có liên quan đã được HĐND tỉnh quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** HĐND tỉnh giao: UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2008./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Viết Nên**